

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2020  
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thắng

Bà Phạm Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 321/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị L**, sinh năm: 1973.

HKTT: E cư xá K, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: CC, LQĐ, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trọng M**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị L, anh M vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là chị Phan Thị L trình bày:*

Năm 2008, chị và anh Nguyễn Trọng M tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, chị và anh không có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do điều kiện công việc nên vợ chồng thường xuyên không sống chung với nhau, anh M không có trách nhiệm với con, không chăm sóc, đóng góp nuôi con từ khi con sinh ra, do không hòa hợp về tính cách, tư duy và suy nghĩ nên chị và anh M không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Do đó, chị L khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh M là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị và anh M có 01 người con chung tên Nguyễn Thái An, sinh ngày 18/3/2009, hiện đang sống chung chị. Chị có yêu cầu trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh M không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sống ở xa, điều kiện công việc và việc đi lại khó khăn nên chị không thể trực tiếp tham gia phiên tòa. Vì vậy, chị có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Trọng M trình bày:*

Anh và chị L cưới nhau năm 2007, do bận công việc mỗi người một nơi và không có thời gian nên anh chị không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì anh nhận thấy anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong nhiều chuyện, chị L không tôn trọng anh và gia đình anh, phẩm chất đạo đức chị L không tốt, quan điểm, lối sống chị L không phù hợp với truyền thống gia đình và nghề nghiệp của anh. Do điều kiện công việc mỗi người một nơi, lâu ngày tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2019 đến nay.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Thái An, sinh ngày 18/3/2009, hiện đang sống chung với chị L, anh đồng ý giao con cho chị L nuôi con, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến về tố tụng và về nội dung:*

*Về tố tụng:*

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” là chưa chính xác. Trường hợp này cần xác định quan hệ tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L. Không công nhận chị Phan Thị L và anh Nguyễn Trọng M là vợ chồng.

- Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thái An, sinh ngày 18/3/2009. Buộc anh M cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn là chị Phan Thị L có đơn khởi kiện “về việc ly hôn”, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với bị đơn là anh Nguyễn Trọng M hiện cư trú tại ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị Phan Thị L, anh Nguyễn Trọng M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh M.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do chị L cung cấp thì “chị Phan Thị L chưa đăng ký kết hôn với ai”. Ngày 25/11/2020, Tòa án tiến hành xác minh và được Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thông tin “Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn đang lưu giữ tại UBND xã từ trước đến nay anh M và chị L không có đăng ký kết hôn”. Qua lời trình bày và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Từ khoảng năm 2007-2008, anh M và chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị L khởi kiện, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh M. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L: Không công nhận vợ chồng giữa chị L và anh M.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh M trình bày thống nhất việc anh chị chung sống với nhau có một người con chung là Nguyễn Thái An, sinh ngày 18/3/2009 hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Anh chị đã thống nhất về người trực tiếp nuôi con khi anh chị không còn chung sống với nhau. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của cháu An, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu An cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu An là được sống với chị L sau khi cha mẹ cháu ly hôn.

Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Chị L có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Mức lương tối thiểu tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.490.000 đồng. Do đó, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/12/2020.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh M xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị L, anh M phải chịu án phí theo quy định.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L. Không công nhận chị Phan Thị L và anh Nguyễn Trọng M là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Phan Thị L và anh Nguyễn Trọng M có 01 người con chung là Nguyễn Thái An, sinh ngày 18/3/2009. Chị L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Trọng M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/12/2020. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Phan Thị L và anh Nguyễn Trọng M xác nhận không có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí:

Chị Phan Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002470 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Trọng M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã H;
- UBND phường X, Quận Y; TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Ánh**